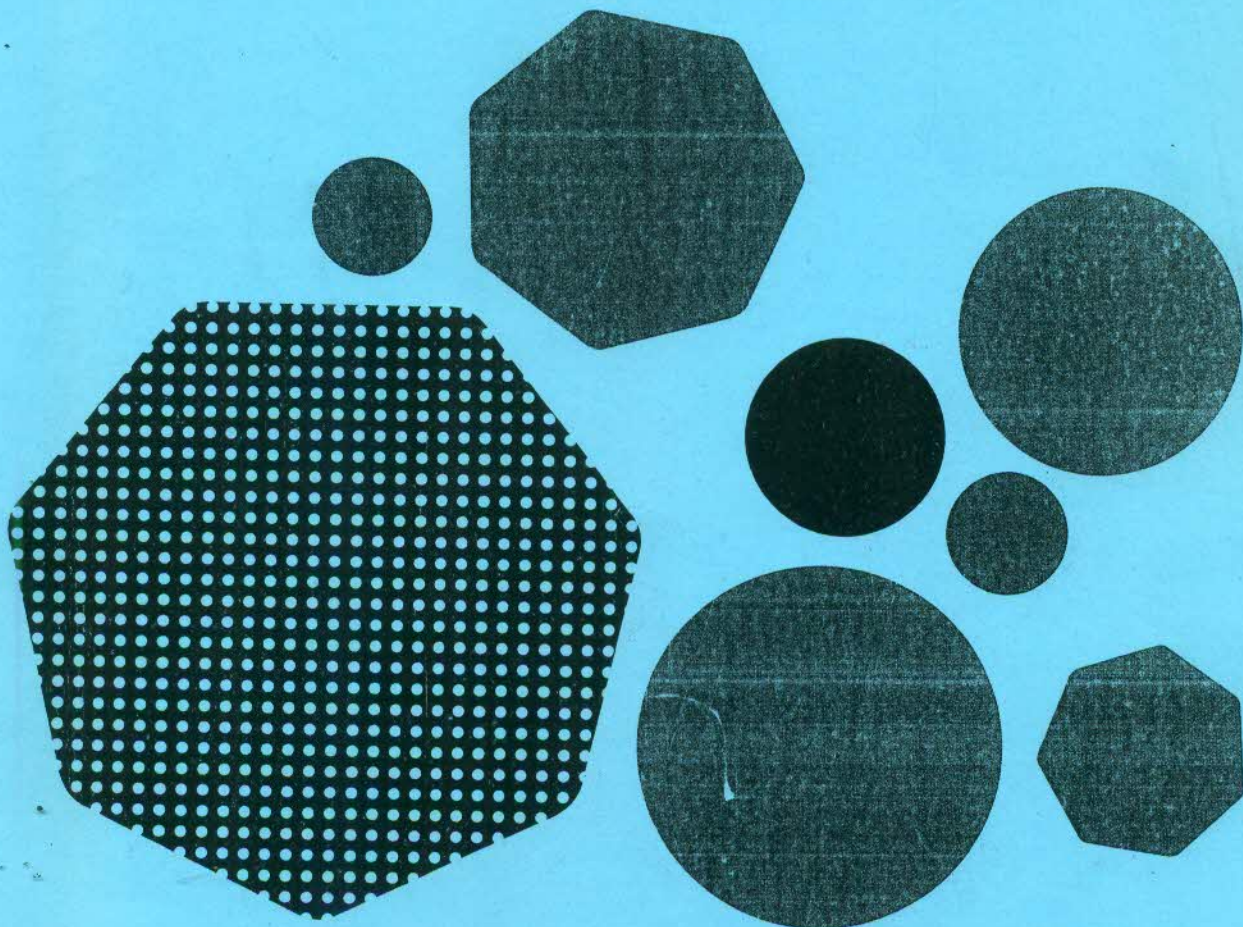




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN TỪ 30/11/2016 ĐẾN 31/12/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN TỪ 30/11/2016 ĐẾN 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Thao	Thành viên
Ông Dương Đức Tính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư

Ông Triệu Văn Bằng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2017 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thái Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/02/2018, từ trang 07 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 30/11/2016 đến ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa tiến hành đầy đủ đối chiếu, xác nhận số dư công nợ các khoản phải thu, phải trả, đầu tư tài chính và vay và nợ thuê tài chính tại ngày 30/11/2016 và 31/12/2017. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận số dư tại ngày 30/11/2016 và 31/12/2017.

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2017.

Chúng tôi chưa được cung cấp thông tin và bằng chứng về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại các đơn vị nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 30/11/2016 và 31/12/2017. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở để kiểm tra tính chính xác trong việc phân loại các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty thành đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Chúng tôi không thu thập được giá trị thị trường của các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty khác tại ngày 30/11/2016 và 31/12/2017. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần của các khoản đầu tư này được trình bày tại các chi tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” và “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” của Bảng cân đối kế toán kèm theo.

Chúng tôi không thu thập được các Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết nên các khoản đầu tư này được hợp nhất theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định.

Chi tiêu hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gói thầu số 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình với số tiền 1.283.709.133 đồng phát sinh từ trước năm 2014 chưa được thanh lý, không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản chi phí này.

Việc xác định tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại các Công ty con trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 có sự khác biệt với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến của sự khác biệt này trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 cũng như ảnh hưởng của chúng trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà, không tham gia chứng kiến kiểm kê tại Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 30/11/2016 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: tài sản thiếu chờ xử lý của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 483.215.750 VNĐ nhưng vẫn chưa được xử lý.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giám lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã lập hồ sơ gửi các bên liên quan tuy nhiên đang chờ Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét giải quyết.

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80% và 20% là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế). Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng, tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III/2017. Theo đó nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty được xây dựng trên đất thuê của Công ty mẹ sẽ phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng từ 10 đến 13 năm vì Công ty mẹ đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi Dự án của cảng này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	30/11/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.133.633.348	386.258.715.132
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.960.760.428	50.184.031.276
Tiền	111		9.960.760.428	25.119.438.955
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	25.064.592.321
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.366.600.000	10.917.051.900
Chứng khoán kinh doanh	121	13	11.366.600.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.917.051.900
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		324.829.898.424	312.850.885.596
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	97.229.485.520	108.599.792.149
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.372.752.842	8.713.296.824
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14	11.317.051.900	-
Các khoản phải thu khác	136	6	206.427.392.412	193.827.928.925
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	7	483.215.750	1.709.867.698
Hàng tồn kho	140	8	6.989.505.800	9.716.514.167
Hàng tồn kho	141		6.989.505.800	9.716.514.167
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.986.868.697	2.590.232.193
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	182.759.482	330.263.700
Thuế GTGT được khấu trừ	152		463.368.191	501.237.824
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.340.741.024	1.758.730.669
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.963.333.120	203.661.360.404
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.066.000.000	1.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	6	1.066.000.000	1.000.000.000
Tài sản cố định	220		55.640.791.523	65.022.340.763
Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.357.546.643	64.958.738.645
- Nguyên giá	222		136.884.557.762	134.998.698.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.527.011.119)	(70.039.959.564)
Tài sản cố định vô hình	227	11	283.244.880	63.602.118
- Nguyên giá	228		392.400.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.155.120)	(36.397.882)
Tài sản dở dang dài hạn	240		125.766.789.507	3.779.463.470
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	125.766.789.507	3.779.463.470
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	144.774.558.169	131.138.745.148
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		98.118.101.815	79.418.122.128
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		46.656.456.354	51.720.623.020
Tài sản dài hạn khác	260		3.715.193.921	2.720.811.023
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.715.193.921	2.720.811.023
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		688.096.966.468	589.920.075.536

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	30/11/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		338.350.867.584	249.704.859.520
Nợ ngắn hạn	310		250.631.026.238	242.826.905.608
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.839.490.979	60.620.524.615
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.571.961.353	1.412.022.464
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.964.666.131	3.954.958.983
Phải trả người lao động	314		2.564.338.992	2.770.305.147
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.573.710.025	700.280.741
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.000.000	529.468.358
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	164.040.373.810	170.871.957.474
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	59.621.659.853	1.386.101.379
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		439.825.095	581.286.447
Nợ dài hạn	330		87.719.841.346	6.877.953.912
Phải trả người bán dài hạn	331	15	40.456.666.046	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	45.093.175.300	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.170.000.000	6.877.953.912
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.746.098.884	340.215.216.016
Vốn chủ sở hữu	410	20	349.746.098.884	340.215.216.016
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.232.744.004)	(30.647.213.995)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.978.842.888	10.862.430.011
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		688.096.966.468	589.920.075.536

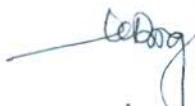
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư



Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 30/11/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 29/11/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	100.138.980.955	99.912.677.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.138.980.955	99.912.677.518
Giá vốn hàng bán	11	23	72.035.939.483	74.293.464.383
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.103.041.472	25.619.213.135
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.818.530.300	16.761.966.020
Chi phí tài chính	22	25	983.103.045	1.195.435.925
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		709.335.590	1.037.540.928
Chi phí bán hàng	25	26	624.380.124	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	33.056.198.588	31.390.961.942
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.257.890.015	9.794.781.288
Thu nhập khác	31	27	13.384.625.948	779.961.606
Chi phí khác	32	28	13.665.311.058	2.207.107.836
Lợi nhuận khác	40		(280.685.110)	(1.427.146.230)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.977.204.905	8.367.635.058
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		563.721.666	514.601.674
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.413.483.238	7.853.033.384
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.479.851.305	7.600.029.311
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		933.631.933	253.004.073

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư

Tổng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung



Triệu Văn Bằng



Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 30/11/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 29/11/2016
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.977.204.905	8.367.635.058
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.247.360.294	6.730.614.980
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		230.008.473	154.217.964
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(9.818.530.300)	(6.661.112.023)
Chi phí lãi vay	06		(709.335.590)	1.037.540.928
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.926.707.781	9.628.896.907
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(11.589.153.550)	(84.863.859.655)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		2.727.008.367	16.795.296.351
Tăng giảm các khoản phải trả	11		36.622.930.482	77.542.260.553
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(846.878.680)	634.075.011
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(11.366.600.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.078.970)	(1.038.654.928)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(543.284.706)	(932.178.958)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		53.376.155.939	2.274.011.056
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.799.628.337)	(8.858.865.556)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		66.460.178.327	11.180.980.781
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(132.765.352.570)	(3.883.464.215)
Tiền thu thành lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		620.000.000	318.150.602
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.195.418.182)	(10.641.716.899)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.220.660.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		450.656.721	2.721.683.320
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(155.610.774.031)	(11.485.347.192)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 30/11/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 29/11/2016
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.106.929.158
Tiền thu từ đi vay	33		115.070.000.000	246.100.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.912.666.671)	(768.331.958)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(452.539.324)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		51.157.333.329	1.132.157.876
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(37.993.262.375)	827.791.465
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.184.031.276	49.171.707.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(230.008.473)	184.532.251
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	11.960.760.428	50.184.031.276

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư



Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thái Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 11 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng Giám đốc

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
(Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm các hoạt động ứng lại lao động).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻt bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy và bìa;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Công thông tin;
(Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
(Trừ được phẩm).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất nhà nước cấm).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
Chi tiết: hoạt động của các đại lý bảo hiểm.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giao dịch nghề nghiệp;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.
Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm).
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các Công ty con

Tỷ lệ sở hữu

1. Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	51,00 %
2. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	81,60 %
3. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	59,63 %
4. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	65,33 %

B. Các Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty Cổ phần Logistics Hàng không
2. Công ty TNHH Interserco Cao Bằng
3. Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng
4. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam
5. Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình - Yên Bái
6. Công ty Cổ phần Interserco – CB
7. Công ty Cổ phần Interserco 19
8. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay
10. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế
11. Công ty Máy Liên doanh Plummy
12. Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc
13. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
14. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 30/11/2016 đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện giao dịch nội bộ, các khoản giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Công ty mẹ và các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính của hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;
2. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam;
3. Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà;
4. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình
5. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ 30/11/2016 (thời điểm Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần) đến 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Do không thu thập được các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết nên các khoản đầu tư này được kế toán theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Lợi nhuận được chia hàng năm từ các khoản đầu tư tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, chi phí đền bù hoa màu và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành.

Công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển xuất dùng, đồ dùng cho thuê có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đền bù hoa màu được phân bổ trong thời gian 45 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11. NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ.

3.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trọng năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.19. NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
- Tiền mặt	1.565.086.607	4.340.275.616
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.395.673.821	20.779.163.339
- Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	25.064.592.321
	11.960.760.428	50.184.031.276

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	97.229.485.520	108.599.792.149
- Công ty CP Vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	24.503.472.000	24.503.472.000
- Công ty CP Măng gan Chiến Thắng	18.878.342.970	18.878.342.970
- Công ty CP Thương mại Điện máy Việt Long	7.071.103.654	7.071.103.654
- Công ty CP Interserco Mỹ Đình	3.891.350.482	8.551.134.667
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.273.096.144	4.514.597.012
- Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	2.823.540.530	2.339.438.830
- Công ty Cổ phần Interserco - CB	2.529.465.753	2.529.465.753
- Công ty TNHH MTV Khai thác chế biến Khoáng sản Nam Vương	2.670.312.545	2.670.312.545
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm	2.357.550.000	2.357.550.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình hàng không ACC	-	5.214.275.816
- Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Cty TNHH MTV	1.400.059.083	1.504.107.974
- XNXD3 - Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Cty TNHH MTV	8.749.377.310	8.849.377.310
- Các khách hàng khác	19.081.815.049	19.616.613.618
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.427.387.897	7.623.350.765
- Công ty CP*Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.273.096.144	4.514.597.012
- Công ty CP Interserco - CB	2.529.465.753	2.529.465.753
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	45.538.000	-
- Công ty CP Interserco - VCI	579.288.000	579.288.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		30/11/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	206.427.392.412	-	193.827.928.925	-
- Phải thu người lao động	-	-	11.779.198	-
- Phải thu cơ quan bảo hiểm	24.188.772	-	144.415.518	-
- Ký cược, ký quỹ	49.100.000	-	1.102.000.000	-
- Phải thu khác	157.428.044.264	-	146.460.619.167	-
+ Công ty CP Điện tử Giảng Võ	10.211.580.987	-	5.147.414.321	-
+ Công ty CP Bất động sản AZ	115.218.105.584	-	115.218.105.584	-
+ Bà Phùng Thuý Hoa	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-
+ Công ty CP Logistics Hàng không	8.524.998.000	-	4.688.750.000	-
+ Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	-	3.560.333.333	-
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.000.000.000	-	2.883.620.122	-
+ Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.253.062.222	-	4.253.062.222	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.698.950.000	-	2.698.950.000	-
+ Đối tượng khác	7.161.014.138	-	3.210.383.585	-
- Tạm ứng cho các cá nhân	48.926.059.376	-	46.109.115.042	-
+ Bà Phùng Thuý Hoa	6.960.592.000	-	6.960.592.000	-
+ Bà Nguyễn Thuý Hương	5.902.804.734	-	5.726.404.734	-
+ Ông Đặng Tài Hùng	16.670.000.000	-	16.770.000.000	-
+ Bà Bùi Thị Liên	-	-	436.579.308	-
+ Bà Trịnh Bích Hồng	7.339.000.000	-	7.370.000.000	-
+ Đối tượng khác	12.053.662.642	-	8.845.539.000	-
Dài hạn	1.066.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.066.000.000	-	1.000.000.000	-
	207.493.392.412	-	194.827.928.925	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2017		30/11/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác là các bên liên quan	25.781.652.222	-	23.586.024.344	-
Phải thu khác	18.821.060.222	-	16.625.432.344	-
+ Công ty CP Logistics Hàng không	8.524.998.000	-	4.688.750.000	-
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.000.000.000	-	2.883.620.122	-
+ Công ty CP Dịch vụ sân bay	243.000.000	-	-	-
+ Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.253.062.222	-	4.253.062.222	-
+ Bà Phùng Thuý Hoa	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-
Tạm ứng	6.960.592.000	-	6.960.592.000	-
+ Bà Phùng Thuý Hoa	6.960.592.000	-	6.960.592.000	-

7. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Hợp đồng đá subbase (1)	483.215.750	483.215.750
Các khoản khác	-	1.226.651.948
	483.215.750	1.709.867.698

(1) Công ty có thực hiện hợp đồng mua bán đá nhưng trong quá trình thực hiện khách mua đã tự ý hủy hợp đồng. Do đó, lô hàng này được gửi tại bãi của người bán (có biên bản xác nhận). Sau đó, Công ty đã tìm khách hàng để thực hiện bán lô hàng này nhưng không thành công. Đến nay, trải qua thời gian dài đã bị vương vãi nhiều, vì lý do hàng đá gửi tại bãi, xe ô tô đi qua lại để nhập hàng nhiều nên khối lượng phân bị thiếu hụt, phần bị lún xuống đất do thời gian.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		30/11/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	593.470.226	-	866.295.072	-
Công cụ, dụng cụ	8.304.450	-	8.304.450	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.009.497.516	-	6.172.632.073	-
Hàng hoá	1.378.233.608	-	2.669.282.572	-
	6.989.505.800	-	9.716.514.167	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	30/11/2016 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	182.759.482	330.263.700
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	87.510.627
- Chi phí mua bảo hiểm	-	33.020.500
- Các khoản khác	182.759.482	209.732.573
Chi phí trả trước dài hạn	3.715.193.921	2.720.811.023
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	920.218.429	708.658.871
- Chi phí trả trước về máy móc, thiết bị	250.877.689	-
- Chi phí đền bù hoa màu	327.328.605	339.289.601
- Lợi thế kinh doanh	-	210.754.519
- Lợi thế thương mại xác định giá trị doanh nghiệp	-	945.513.312
- Các khoản khác	2.216.769.198	516.594.720
	3.897.953.403	3.051.074.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
30/11/2016	108.444.956.750	10.336.338.910	15.465.911.367	601.615.182	149.876.000	134.998.698.209
Mua trong kỳ	383.169.091	354.993.182	1.666.363.644	-	102.000.000	2.506.525.917
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.336.237.643	-	-	-	-	1.336.237.643
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.655.075.909)	-	-	(1.655.075.909)
Giảm do hợp nhất	(301.828.098)	-	-	-	-	(301.828.098)
31/12/2017	109.862.535.386	10.691.332.092	15.477.199.102	601.615.182	251.876.000	136.884.557.762
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
30/11/2016	54.402.284.694	5.448.042.685	9.836.279.329	235.320.054	118.032.802	70.039.959.564
Khấu hao trong kỳ	9.737.498.391	1.122.751.456	2.155.550.288	126.959.722	31.843.199	13.174.603.056
Giảm do hợp nhất	(490.118.449)	-	-	-	-	(490.118.449)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.197.433.052)	-	-	(1.197.433.052)
31/12/2017	63.649.664.636	6.570.794.141	10.794.396.565	362.279.776	149.876.001	81.527.011.119
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
30/11/2016	54.042.672.056	4.888.296.225	5.629.632.038	366.295.128	149.876.001	64.958.738.645
31/12/2017	46.212.870.750	4.120.537.951	4.682.802.537	239.335.406	299.752.002	55.357.546.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
	máy vi tính VND	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
30/11/2016	100.000.000	100.000.000
- Mua trong kỳ	292.400.000	292.400.000
31/12/2017	<u>392.400.000</u>	<u>392.400.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
30/11/2016	36.397.882	36.397.882
- Khấu hao trong kỳ	72.757.238	72.757.238
31/12/2017	<u>109.155.120</u>	<u>109.155.120</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
30/11/2016	<u>63.602.118</u>	<u>63.602.118</u>
31/12/2017	<u>283.244.880</u>	<u>283.244.880</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	125.766.789.507	3.779.463.470
- Dự án diêm thông quan tại Đức Thượng	123.951.005.762	2.740.989.149
- Chi phí khoan khảo sát địa chất công trình văn phòng làm việc tại 358 đường Láng	730.920.109	700.507.109
- Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.084.863.636	-
- Sửa chữa kho cảng Hồng Vân	-	307.554.212
- Các khoản khác	-	30.413.000
	<u>125.766.789.507</u>	<u>3.779.463.470</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Tổng giá trị trái phiếu	11.366.600.000	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Logistic Hàng không (*)	11.366.600.000	-
Cộng	<u>11.366.600.000</u>	<u>-</u>

(*) Là loại trái phiếu chuyển đổi được chào bán trực tiếp với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, lãi suất cố định 4%/năm, kỳ hạn 36 tháng, kỳ tính lãi 6 tháng/lần, tỷ lệ chuyển đổi là 1:10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (*)	98.118.101.815	79.418.122.128
Đầu tư vào đơn vị khác	46.656.456.354	51.720.623.020
	144.774.558.169	131.138.745.148

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017
Tên Công ty liên doanh, liên kết	VND
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	32.353.156.997
Cty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30.882.394.135
Công ty TNHH Interserco Cao Bằng	384.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	1.441.000.000
Cty CP Thương mại và Dịch vụ Din - Interserco Việt Nam (1)	900.000.000
Công ty TNHH khai thác và chế biến đá An Bình	4.725.688.990
Công ty CP Interserco - CB	1.250.000.000
Cty CP Interserco số 19	200.000.000
Công ty CP đầu tư BĐS Quốc tế	9.594.973.518
Công ty CP Dịch vụ Sân bay (2)	2.559.344.585
Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế HN	5.281.963.869
Công ty Máy liên doanh Plummy	3.920.787.063
Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc (3)	1.910.792.658
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	1.960.000.000
	98.118.101.815

(1) Theo Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 12/05/2016, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam đã đăng ký tạm dừng kinh doanh từ ngày 30/05/2016 đến 29/05/2017.

(2) Theo xác nhận trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nắm giữ tại Công ty Cổ phần dịch vụ Sân bay là 243.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Theo thông báo ngày 02/12/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu, Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc đã giải thể do sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

(*) Do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên doanh liên kết nên các khoản đầu tư này được trình bày theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh - Dự án vườn sinh thái Cẩm Đình	42.513.726.109	42.513.726.109
Công ty Cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc tế Interfoods	424.720.000	424.720.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp An Bình	2.253.010.245	2.253.010.245
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp hoá chất Lào Cai	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Interserco Hà Nội	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư tài chính, vàng Việt Nam	540.000.000	540.000.000
Công ty Cổ phần Điện Tử Giảng Võ	-	5.064.166.666
Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh - ICC Việt Nam	500.000.000	500.000.000
	46.656.456.354	51.720.623.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017		30/11/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	11.317.051.900	11.317.051.900	-	-
+ Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	6.917.251.900	6.917.251.900	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	159.800.000	159.800.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.740.000.000	3.740.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	500.000.000	-	-

Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:

Các khoản đầu tư	Ngày hợp đồng	Ngày hết hạn	Tình trạng thu hồi
+ Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	26/04/2013	6 tháng sau khi ký hợp đồng, hoặc kéo dài hơn do yêu cầu công việc	Chưa thu hồi được
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	01/04/2014	không quá 02 tháng kể từ ngày 25/04/2014	Chưa thu hồi được
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30/11/2012	7 tháng sau khi ký hợp đồng	Chưa thu hồi được
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	20/04/2017	< 12 tháng từ ngày ký hợp đồng	Chưa thu hồi được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		30/11/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	16.839.490.979	16.839.490.979	60.620.524.615	60.620.524.615
- Glorious (Singapore) Pre Ltd	-	-	36.141.944.618	36.141.944.618
- Công ty TNHH Changlin	-	-	4.136.772.600	4.136.772.600
- Công ty TNHH Tú Đào	361.613.671	361.613.671	4.469.590.334	4.469.590.334
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Đất Việt	797.500.000	797.500.000	159.250.000	159.250.000
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.600.000.000	1.600.000.000	133.263.784	133.263.784
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.881.086.734	1.881.086.734	-	-
- Công ty TNHH XD Thanh Hoa	1.019.312.000	1.019.312.000	-	-
- Đối tượng khác	11.179.978.574	11.179.978.574	15.579.703.279	15.579.703.279
Các khoản phải trả người bán dài hạn	40.456.666.046	40.456.666.046	-	-
- Glorious (Singapore) Pre Ltd	36.301.617.446	36.301.617.446	-	-
- Công ty TNHH Changlin	4.155.048.600	4.155.048.600	-	-
	57.296.157.025	57.296.157.025	60.620.524.615	60.620.524.615
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.600.000.000	1.600.000.000	133.263.784	133.263.784
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.600.000.000	1.600.000.000	133.263.784	133.263.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ THU NHÀ NƯỚC**

	30/11/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	233.562.141	4.008.755.919	3.933.895.244	308.422.816
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	454.304.651	-	454.304.651	-
- Thuế xuất nhập khẩu	314.208.859	-	351.966.982	(37.758.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.030.621.122)	609.282.318	543.284.706	(964.623.510)
- Thuế thu nhập cá nhân	42.015.642	585.075.360	528.609.464	98.481.538
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	394.290.311	8.062.098.303	8.066.519.536	389.869.078
- Các loại thuế khác	28.532.048	284.401.072	172.918.681	140.014.439
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.759.935.784	147.666.699	218.083.614	1.689.518.869
	2.196.228.314	13.697.279.671	14.269.582.878	1.623.925.107
Trong đó:				
Phải thu	1.758.730.669			1.340.741.024
Phải nộp	3.954.958.983			2.964.666.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.573.710.025	700.280.741
- Chi phí trích trước tiền trang phục năm 2017	189.000.000	-
- Chi phí lãi vay	397.923.287	-
- Chi phí phải trả khác	986.786.738	700.280.741
Dài hạn	-	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	30/11/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	166.410.645.043	170.871.957.474
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	379.358.700
- Kinh phí công đoàn	119.673.546	91.665.572
- Bảo hiểm xã hội	90.031.094	67.762.357
- Bảo hiểm y tế	1.081.298	1.482.847
- Bảo hiểm thất nghiệp	481.645	659.400
- Phải trả về cổ phần hoá	-	2.117.575
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	340.000.000	180.000.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	-	512.457.536
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.859.377.460	169.763.743.748
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (1)	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	4.163.517.415	14.421.955.973
+ Công ty CP Logistics Hàng không (1)	35.493.704.528	35.493.704.530
+ Số tiền phải nộp về Nhà nước (2)	38.734.747.125	38.732.629.548
+ Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	-	1.805.673.418
+ Ông Trương Bình Hiền	-	580.000.000
+ Bà Đào Thuý Phương	-	1.700.000.000
+ Ngân hàng phát triển Việt Nam (3)	25.670.622.827	25.614.572.920
+ Đối tượng khác	16.593.657.948	6.084.789.481
Dài hạn	45.093.175.300	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.093.175.300	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(1): Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, nhận bàn và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí đi dời, bồi thường và khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ đi dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ đi dời	3.927.255.791	3.354.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.354.611.124	35.493.704.529	45.203.137.617

(*) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức thành Công ty Cổ phần.

Số tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản chi trả trên là 49.859.317.464 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm nộp Nhà nước theo quy định.

(2): Theo Quyết định 8396/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (30/11/2016), tăng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước do Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhận khoản bồi thường, hỗ trợ khi di dời cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình để thực hiện dự án tại địa điểm số 17 đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và do xác định lại các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp số tiền 13.120.812.289 VND, giảm giá trị thực tế phần vốn Nhà nước các khoản xử lý giảm vốn Nhà nước giai đoạn hậu cổ phần số tiền 5.638.232.344 VND, khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty CP JSQ 13.475.567.655 VND và Công ty Cổ phần TST Engineering - Việt Nam 2.374.217.523 VND. Theo Công văn số 551/STC-TCDN của Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 22/01/2018, đối với việc đánh giá tăng các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, các khoản đầu tư được tăng thêm bằng việc chuyển đổi từ công nợ phải thu và khoản đầu tư được xác định tăng khi xác định doanh nghiệp với số tiền 3.003.851.822 đồng.

(3): Xem thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		Trong kỳ		30/11/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	57.251.388.620	57.251.388.620	112.900.000.000	57.534.666.676	1.386.101.379	1.386.101.379
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	28.000.000.000	28.000.000.000	56.000.000.000	28.000.000.000	-	-
- Ông Đặng Tài Hùng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Bà Phùng Ngọc Dung	200.000.000	200.000.000	200.000.000	-	-	-
- Bà Vũ Thị Hải Hà	200.000.000	200.000.000	200.000.000	-	-	-
- Bà Đào Thị Hạnh	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn (3)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
- Bà Bùi Thị Minh Tân	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
- Ông Phùng Tiến Toàn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
- Bà Phùng Thúy Hoa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
- Bà Ngô Hoàng Yến	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Minh Hào	-	-	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Quốc tế	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
- Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hoá	212.101.379	212.101.379	-	-	212.101.379	212.101.379
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	499.953.917	499.953.917	-	-	-	-
- Đối tượng khác	1.039.333.324	1.039.333.324	-	34.666.676	1.074.000.000	1.074.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2017		Trong kỳ		30/11/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	2.170.000.000	2.170.000.000	2.170.000.000	6.377.999.995	6.877.953.912	6.877.953.912
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (4)	-	-	-	-	499.953.917	499.953.917
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	-	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	77.999.995	77.999.995	77.999.995
- Ông Mai Thế Tùng	835.000.000	835.000.000	835.000.000	-	-	-
- Bà Mai Thị Thu Hà	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Thái Hòa	835.000.000	835.000.000	835.000.000	-	-	-

(1) Khoản vay theo hợp đồng số 07/2017/HĐCVTL/NHCT144-INTERSERCO ngày 25/12/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, theo đó hai bên thống nhất ký hợp đồng vay vốn với số tiền vay không vượt 28.000.000.000 đồng, lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 6,5%/năm. Thời hạn cho vay là kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên đến hết ngày 30/06/2018. Mục đích vay vốn dùng để bù đắp kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB theo Hợp đồng thực hiện công tác GPMB số 30/2016/HĐ-GPMB/INTERSECO-CNTTPTQĐ ngày 14/10/2016 và các phụ lục đi kèm; Quyết định số 10645/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Huyện Hoài Đức về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của 111 hộ gia đình, cá nhân có diện tích, cây cối hoa màu nằm trong phạm vi thu hồi thực hiện dự án ĐTXD Cảng cạn ICD Mỹ Đình, tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(2) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 170620/HĐVV/INTER-ALS ngày 20/06/2017 và phụ lục số 01 gia hạn hợp đồng vay vốn giữa công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Logistics Hàng không, theo đó hai bên thống nhất ký Hợp đồng vay vốn với số tiền vay: 10.000.000.000 VND, thời hạn vay <12 tháng, mục đích vay vốn: Phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế và công tác đầu tư xây dựng Dự án Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế là chủ đầu tư và Công ty Cổ phần Logistics Hàng không là một trong những nhà đầu tư tham gia hợp tác. Lãi suất cho vay cố định 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; tính lãi theo ngày trên cơ sở 1 năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày. Tài sản thế chấp là một số tài sản cố định với tổng giá trị còn lại là 12.959.834.185 VND.

THUYẾT MINH . BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2017/HĐVV/ASGS-INTER ngày 20/06/2017 là khoản vay giữa công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế và Công ty Cổ phần dịch vụ Sân bay Sài Gòn, với số tiền: 9.000.000.000 VND, lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, và trả trong thời hạn 3 tháng; hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp. Mục đích vay vốn để nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế.

(4) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tơ tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Tây) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và nguồn vốn khác (**)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
30/11/2016	360.000.000.000	10.862.430.011	(30.647.213.995)	340.215.216.016
- Lãi trong kỳ	-	933.631.933	1.479.851.305	2.413.483.238
- Chia cổ tức	-	-	(288.774.705)	(288.774.705)
- Khoản nộp lại ngân sách theo QĐ số 4005/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	-	-	(537.416.755)	(537.416.755)
- Giảm khác (*)	-	-	(759.870.633)	(759.870.633)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	4.182.780.944	4.520.680.779	8.703.461.723
31/12/2017	360.000.000.000	15.978.842.888	(26.232.744.004)	349.746.098.884

(*) Bao gồm khoản trích thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận sau thuế số tiền 252.000.000 đồng.

(**) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã lập hồ sơ và gửi các bên liên quan tuy nhiên đang chờ Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp VND
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall	18.000.000.000	5,00%
+ Phùng Tiến Toàn	16.200.000.000	4,50%
+ Bà Phan Thị Thanh Hoa	10.800.000.000	3,00%
+ Ông Lê Trung Định	17.500.000.000	4,86%
+ Ông Nguyễn Văn Quang	17.500.000.000	4,86%
+ Đối tượng khác	20.800.000.000	5,78%
	360.000.000.000	100,00%

20.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND
Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>30/11/2016</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.211,67	713.603,04
Yên Nhật (JPY)	33.673,00	1.539.125,00

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.138.980.955	99.912.677.518
+ Doanh thu bán hàng	1.422.178.089	46.008.668.326
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.716.802.866	53.904.009.192
Doanh thu với các bên liên quan	241.398.182	1.073.287.222
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	241.398.182	-
+ Công ty Cổ phần Logistic Hàng không	-	1.046.661.767
+ Công ty Cổ phần Interserco VCI	-	26.625.455

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	70.633.712.211	31.293.237.464
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.402.227.272	43.000.226.919
	<u>72.035.939.483</u>	<u>74.293.464.383</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	440.083.258	2.601.683.320
Lãi bán các khoản đầu tư	-	10.116.960.467
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư khác	9.367.873.579	2.517.725.647
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.573.463	54.740.189
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	1.470.856.397
	9.818.530.300	16.761.966.020

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Chi phí lãi vay	709.335.590	1.037.540.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	43.758.982	3.677.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	230.008.473	154.217.964
	983.103.045	1.195.435.925

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	33.056.198.588	31.390.961.942
- Chi phí nhân viên quản lý	21.413.119.398	19.153.435.551
- Chi phí quản lý khác	11.643.077.675	12.237.526.391
b. Các khoản chi phí bán hàng	624.380.124	-
- Chi phí nhân công	566.842.886	-
- Chi phí bán hàng khác	57.537.238	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	105.993.507	318.150.602
Dự án pháo hoa 10/10	13.000.000.000	-
Tiền phạt thu được	81.252.002	-
Các khoản khác	197.380.439	461.811.044
	13.384.625.948	779.961.646

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính, thuế	292.355.250	777.948.508
Tiền phạt vi phạm hành chính về hải quan	-	1.159.078.459
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.330.913	-
Dự án pháo hoa 10/10	13.000.000.000	225.000.000
Giá trị còn lại CCDC	10.082.275	-
Các khoản chi phí khác	361.542.620	45.080.869
	13.665.311.058	2.207.107.836

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.835.281.303	3.508.409.840
Chi phí nhân công	23.779.364.584	20.381.525.686
Khấu hao tài sản cố định	13.174.603.056	6.730.614.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.289.912.017	21.464.709.526
Chi phí bằng tiền khác	17.265.327.848	11.151.578.972
	109.344.488.808	63.236.839.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Tổng thu nhập của ban giám đốc	3.340.076.689	2.419.157.500
- Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	3.340.076.689	2.419.157.500

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Mua hàng từ bên liên quan	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Interserco VCI	Công ty liên kết	-	500.000.000

		Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Logistic Hàng Không	Công ty liên kết	8.524.998.000	1.278.750.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	-	1.118.975.647
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay	Công ty liên kết	243.000.000	120.000.000

		Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Thu nhập khác	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	241.398.182	-

		Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 VND
Vay vốn	Mối quan hệ	15.670.000.000	-
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Ông Mai Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc	835.000.000	-
Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc	835.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		31/12/2017	30/11/2016
		VND	VND
Trả trước cho người bán	Mối quan hệ	2.104.886.800	480.483.900
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	1.624.402.900	-
Công ty Cổ phần Interserco số 19	Công ty liên kết	480.483.900	480.483.900
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		14.000.000.000	-
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		1.670.000.000	-
Ông Mai Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc	835.000.000	-
Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc	835.000.000	-

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế." Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCĐN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 29/11/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 728-02-2018-02
Trần Văn Bằng... Quyền số: SGT 185
Th. Nguyễn Thái Hòa



Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hải Vân